

CHƯƠNG 2 QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

TỔNG QUAN

Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) là vấn đề ngày càng quan trọng đối với các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam. Mối quan tâm chính của doanh nghiệp đều là yêu cầu cao về tiêu chuẩn bảo hộ quyền SHTT và mong muốn luật pháp và thực tiễn về SHTT của Việt Nam sẽ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ một cách hiệu quả. Với việc Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, Việt Nam cần thực hiện nhiều thay đổi đối với luật SHTT để tuân thủ các cam kết trong EVFTA nhằm giúp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh so với các nước khác trong khu vực ASEAN.

Theo quy định của EVFTA, Việt Nam có nghĩa vụ nội luật hóa nhiều nghĩa vụ, bao gồm việc quy định về bảo hộ nhãn hiệu âm thanh, quy trình và biện pháp bảo hộ các Chỉ dẫn Địa lý (CDDL) của Châu Âu, cơ chế đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm, v.v. Trong lĩnh vực thực thi quyền SHTT, quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian đối với nội dung xâm phạm quyền SHTT trên môi trường số là yêu cầu đáng chú ý trong EVFTA.

Chúng tôi vui mừng khi thấy rằng các quy định nêu trên đã được đưa vào Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT, dự kiến sẽ được thông qua vào tháng 6 năm 2022. Tuy nhiên, một số đề xuất sửa đổi, bổ sung trong Dự thảo chưa đạt được các yêu cầu đặt ra theo EVFTA.

I. THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTTDL), Bộ Thông tin Truyền thông (Bộ TTĐT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KHCN), Bộ Công thương (BCT), Cục Quản lý Thị trường (Cục QLTT), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC)

Mô tả vấn đề

Khác với đa số các nước trên thế giới nơi hành vi xâm phạm quyền SHTT được xử lý theo biện pháp dân sự tại Tòa án, chế tài hành chính vẫn tiếp tục là chế tài được áp dụng phổ biến nhất để xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT tại Việt Nam.

Ngoài ra, Luật SHTT không quy định về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hình sự. Tuy nhiên, Điều 212, Luật SHTT quy định rằng cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự.

Cuối cùng, một trong những khó khăn lớn nhất của việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ nói chung và biện pháp dân sự, biện pháp hành chính nói riêng hiện nay là vấn đề hủy bỏ hiệu lực văn bằng SHTT. Trong phần lớn các vụ việc tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ, bên vi phạm sẽ cố tình tiến hành nộp đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ với các lý do không có căn cứ. Tòa án cũng như các cơ quan chức năng tỏ ra lưỡng lự và thường tạm dừng xử lý vụ việc khi thấy có vấn đề yêu cầu hủy bỏ hiệu lực và sẽ đợi cho đến khi CSHTT giải quyết xong vấn đề này thì mới giải quyết tiếp.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Thanh tra Bộ KHCN trong những năm gần đây có xu hướng khuyến khích các bên lựa chọn biện pháp dân sự để giải quyết vụ việc nhưng thực tiễn này lại dẫn đến việc hạn chế sự lựa chọn của chủ thể quyền trong xử lý các vụ việc liên quan đến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp do tính phức tạp về kỹ thuật.

Trong khi đó, đối với lĩnh vực quyền tác giả, hiện nay gần như chỉ có duy nhất Thanh tra Bộ VH TTDL là cơ quan có khả năng xử lý các vụ việc xâm phạm quyền tác giả. Mặc dù các cơ quan khác như Quản lý thị trường, Công an cũng có thẩm quyền xử lý nhưng do hạn chế về kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực quyền tác giả nên thường không đồng ý xử lý các yêu cầu của chủ thể quyền.

Để nâng cao hiệu quả của biện pháp hành chính, các cơ quan chức năng cần chủ động hơn trong việc xử lý vi phạm như phối hợp với các cơ quan có liên quan. Cụ thể, Tiểu ban Quyền SHTT thuộc EuroCham khuyến nghị Thanh tra Bộ KHCN phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ để xử lý các vụ việc xâm phạm quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp. Thanh tra Bộ VH TTDL có thể hướng dẫn, chuyển giao công việc cho các Sở VH TTDL ở các tỉnh để chủ động xử lý các vụ việc. Việc phối hợp với cơ quan Quản lý thị trường và Công an đặc biệt ở địa phương là cần thiết, vì vậy chúng tôi khuyến nghị có sự trao đổi, cập nhật thông tin và chia sẻ chuyên môn giữa các Bộ ngành và các cơ quan liên quan.

Đối với phần lớn các vụ việc có dấu hiệu tội phạm, chẳng hạn như xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ như tội sản xuất, buôn bán hàng giả, tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, hầu như cơ quan tiến hành tố tụng chỉ khởi tố về tội danh sản xuất, buôn bán hàng giả thay vì tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp hoặc xâm phạm quyền tác giả.

Việc định tội danh để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phức tạp do có sự chồng lấn về khách thể của tội phạm. Các quy định không định nghĩa khái niệm, không phân định ranh giới giữa tội sản xuất, buôn bán hàng giả và tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp dẫn đến khó khăn và đôi khi dẫn đến sự tùy tiện trong việc áp dụng chính xác điều luật nào để xử lý. Do đó làm rõ phạm vi và đối tượng áp dụng của hai tội phạm này là điều cần thiết¹

Điều này vô tình ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết các vụ án bởi thời gian thực tế giải quyết đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ ở CSHTT là rất lâu và kéo dài từ 2-4 năm. Đến khi đó, các vụ án dân sự sẽ bị đình trệ và không thể xét xử theo đúng quy định về tố tụng.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị như sau:

- > Các cơ quan chức năng cần chủ động hơn trong việc xử lý vi phạm như phối hợp với các cơ quan có liên quan.
- > Phối hợp giữa các cơ quan Quản lý thị trường và Công an đặc biệt ở địa Phương trên cơ sở trao đổi, cập nhật thông tin và chia sẻ chuyên môn.
- > Làm rõ phạm vi và đối tượng áp dụng của tội sản xuất, buôn bán hàng giả và tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

¹ Điều 14, Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- > Tòa án Nhân dân tối cao, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn, quy định cụ thể về trường hợp hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ trong quá trình xử lý dân sự và hành chính.

II. DỰ THẢO LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ (SỬA ĐỔI)

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Khoa học và Công nghệ (BKHCN), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (BVHTTDL), Bộ Thông tin và truyền thông (BTTTT)

1. Quyền tác giả

Mô tả vấn đề

Dự thảo Luật SHTT sửa đổi (Dự thảo)² đề xuất sửa đổi các điểm sau liên quan đến các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép chủ sở hữu quyền tác giả, không phải trả tiền bản quyền. Điều 25.1.a1 đề xuất bổ sung “Sao chép tác phẩm để có thông tin hoặc làm tài liệu dùng trong hoạt động nội bộ của các cơ quan nhà nước và không nhằm mục đích thương mại”, và bổ sung Điều 25.1.c “Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát sóng, phim tài liệu”.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Đề xuất sửa đổi, bổ sung ngoại lệ này không nhắc tới phạm vi giới hạn hay mức độ của một tác phẩm có thể được sao chép. Chúng tôi cho rằng dù việc chỉ sao chép một tác phẩm để sử dụng trong phạm vi nội bộ của cơ quan nhà nước và không nhằm mục đích thương mại; và nếu việc sao chép được thực hiện cho cả những phần nội dung không cần thiết hay không bắt buộc trong hoạt động nội bộ này, thì việc sao chép này không mang lại lợi ích công cộng (cho cơ quan nhà nước đó) mà lại có thể làm giảm nhu cầu tìm hiểu thêm của các đối tượng đọc đối với toàn bộ nội dung của tác phẩm bị sao chép. Việc này có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm bị sao chép.

Khái niệm “trích dẫn hợp lý” và “không làm sai ý tác giả” cần được làm rõ và hướng dẫn thật cụ thể, nếu không sẽ gây khó khăn trong việc phân tích như thế nào là một hành vi có thể được coi là “trích dẫn hợp lý” và “không làm sai ý tác giả”, từ đó dẫn đến những khó khăn khi xác định một hành vi trích dẫn có nằm trong phạm vi các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép chủ sở hữu quyền tác giả, không phải trả tiền bản quyền này hay không.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị như sau:

- > Để cân bằng giữa quyền lợi của công chúng và chủ sở hữu quyền tác giả, đề xuất bổ sung giới hạn mức độ (về độ dài hay phần trăm tác phẩm) một tác phẩm có thể bị sao chép để dùng làm thông tin tham khảo, tài liệu dùng trong các cơ quan nhà nước không nhằm mục đích thương mại, theo quy định sửa đổi theo Điều 25.1.a1.
- > Cần có sự giải thích và hướng dẫn cụ thể về các khái niệm “trích dẫn hợp lý” và “không làm sai ý tác giả”.

² Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, 17/11/2020, Chinhphu.vn. Xem tại: < http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/congdan/DuThaoVanBan?_piref135_27935_135_27927_27927.mode=reply&_piref135_27935_135_27927_27927.id=3993> truy cập lần cuối ngày 20 tháng 11 năm 2020.

2. Sáng chế

Mô tả vấn đề

Cơ chế đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm

Điều 131a, Dự thảo đã đưa ra hai phương án nhằm thực thi Điều 12.40 EVFTA³ liên quan đến đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ bất hợp lý trong thủ tục đăng ký dược phẩm lần đầu. Tuy nhiên, cả hai phương án này đều đưa ra cơ chế đền bù bằng tiền và đều không phải là sự đền bù thỏa đáng theo tinh thần của Điều 12.40, EVFTA, cụ thể:

- Phương án 1: Nghị quyết 102/2020/QH14⁴ quy định cơ chế đền bù bằng cách miễn cho chủ sở hữu sáng chế không phải nộp phí sử dụng văn bằng bảo hộ trong khoảng thời gian chậm trễ tương ứng. Khoản phí sử dụng sáng chế mà chủ sở hữu sáng chế được miễn tương ứng với khoảng thời gian chậm trễ là không đáng kể và không có ý nghĩa thực tiễn so với tổn thất thực sự do thời hạn bị cấp phép lưu hành chậm. Hơn nữa, để được miễn phí sử dụng sáng chế, chủ sở hữu cần phải yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành dược phẩm xác nhận về sự chậm trễ. Trên thực tế, công sức, thời gian, chi phí dịch vụ để yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành dược phẩm xác nhận về việc chậm trễ có lẽ vượt quá cả phí sử dụng sáng chế mà chủ sở hữu có thể được miễn nộp.
- Phương án 2: quy định cơ chế đền bù khoản tiền từ tổ chức cá nhân sử dụng sáng chế trong khoảng thời gian chậm trễ tương ứng. Cơ chế đền bù này cũng không hợp lý, do việc chậm trễ này là gây ra do cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành dược phẩm nên việc yêu cầu trực tiếp cá nhân, tổ chức sử dụng bằng độc quyền sáng chế phải thanh toán phí sử dụng sáng chế là không khả thi, mà thông thường muốn việc yêu cầu khả thi thì phải thông qua một cơ quan có thẩm quyền thực thi như Tòa án. Hơn nữa, quy định rằng *“số tiền phải trả tương đương với mức giá đền bù theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quyền sử dụng sáng chế bị chuyển giao theo quyết định bắt buộc trong phạm vi và thời gian sử dụng tương ứng”* cũng không khả thi vì trên thực tế chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về mức giá đền bù theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quyền sử dụng sáng chế bị chuyển giao theo quyết định bắt buộc. Theo đó, trước khi muốn yêu cầu bên thứ ba đền bù, chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế cần phải yêu cầu cơ quan, tổ chức, xác nhận mức giá đền bù. Mặt khác, căn cứ lấy khoản tiền đền bù trên cơ sở quyền sử dụng sáng chế bị chuyển giao theo quyết định bắt buộc cũng là không thỏa đáng với thiệt hại của chủ bằng bởi lẽ khi một sáng chế bị chuyển giao theo quyết định bắt buộc thuộc các trường hợp theo pháp luật quy định như nhu cầu quốc gia, bệnh tật, lạm dụng quyền của chủ sở hữu, v.v là những tình huống chủ sở hữu bị bắt buộc chuyển giao (quan hệ định giá không ngang bằng) nên giá chuyển giao theo quyết định sẽ thấp hơn nhiều thiệt hại về kinh tế khi yêu cầu cá nhân, tổ chức sử dụng sáng chế bồi thường thiệt hại thực tế do việc sử dụng sáng chế trong thời gian chậm trễ.

³ Điều 12.40, Chương 12: Sở hữu trí tuệ, EVFTA.

⁴ Điểm 3, Phụ lục 3, Nghị quyết 102/2020/QH14 ngày 8 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu.

Bảo đảm thông tin và thời gian cho chủ bằng độc quyền sáng chế thực thi quyền của mình, trước khi sản phẩm được đưa ra thị trường

Điều 128(3), Dự thảo nhằm mục đích thực thi Điều 18.53, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)⁵, cụ thể Điều 128(3) này là lựa chọn khoản 1 của Điều 18.53, CPTPP. Tuy nhiên, Điều 128(3) chưa tương thích với quy định tại Điều 18.53(1) CPTPP để đảm bảo cho chủ bằng độc quyền sáng chế có đủ thời gian và cơ hội để thực hiện các biện pháp bảo vệ cần thiết đối với việc xin cấp số đăng ký thuốc của bên thứ ba bất kỳ khi thuốc xin đăng ký trong hồ sơ đăng ký thuốc của bên thứ ba là yếu tố xâm phạm quyền đối với bằng độc quyền sáng chế của chủ bằng. Cụ thể là việc cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành dược phẩm chỉ công bố thông tin về đơn nộp sau dựa trên dữ liệu chứng minh tính an toàn, hiệu quả đã được cấp phép lưu hành của dược phẩm khác trên cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành dược phẩm chứ không phải thông báo trực tiếp cho chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế là chưa thỏa đáng về cách thức thông tin. Ngoài ra, Điều 128(3) của Dự thảo cũng chưa có quy định hợp lý để đảm bảo thời gian và cơ hội thỏa đáng cho chủ bằng độc quyền sáng chế chuẩn bị các thủ tục cần thiết như khởi kiện, yêu cầu xử lý xâm phạm.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Cơ chế đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ bất hợp lý trong thủ tục đăng ký dược phẩm lần đầu nhằm thi hành Điều 12.40 EVFTA theo quy định hiện hành tại Điều 131a của Dự thảo là không có tính thực tiễn đối với chủ bằng độc quyền sáng chế, do đó không mang lại lợi ích thực sự cho chủ sở hữu.

Quy định hiện hành trong Dự thảo về việc bảo đảm thông tin và thời gian cho chủ bằng độc quyền sáng chế thực thi quyền của mình, trước khi sản phẩm được đưa ra thị trường theo Điều 18.53 CPTPP là chưa tương xứng với quy định tại Điều 18.53, CPTPP.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị như sau:

- > Sửa Điều 131a, Dự thảo bằng việc đưa ra một cơ chế đền bù hợp lý cho chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế do sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm bằng cách kéo dài thời gian bảo hộ của bằng độc quyền sáng chế tương ứng với thời gian chậm trễ bất hợp lý trong thủ tục đăng ký dược phẩm lần đầu, phù hợp với tinh thần của Điều 12.40, EVFTA.
- > Sửa Điều 128(3), Dự thảo theo hướng khi cơ quan có thẩm quyền cho phép người nộp đơn sau dựa vào việc một dược phẩm đã được cấp phép lưu hành hoặc dữ liệu chứng minh tính an toàn, hiệu quả của một dược phẩm đã được cấp phép lưu hành (dữ liệu của chủ bằng độc quyền sáng chế) để xin cấp phép lưu hành cho một dược phẩm khác thì cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải thông báo trực tiếp bằng văn bản cho người đứng tên đăng ký lưu hành dược phẩm trước.
- > Bổ sung quy định tại Điều 128(3) cho phép chủ bằng độc quyền sáng chế có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền tạm dừng việc cấp phép lưu hành cho dược phẩm sau một thời hạn hợp lý để chuẩn bị các tài liệu, thủ tục cần thiết cho việc yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với bằng độc quyền sáng chế của mình theo tinh thần của Điều 18.53, CPTPP.

⁵ Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, ký ngày 8 tháng 3 năm 2018.

3. Kiểu dáng công nghiệp

Mô tả vấn đề

Điều 12.35.1 EVFTA⁶ quy định “kiểu dáng” là hình dáng của sản phẩm hoàn chỉnh hoặc của bộ phận có thể tách rời và/hoặc không thể tách rời của sản phẩm. Điều này có nghĩa là bộ phận không thể tách rời của sản phẩm cũng được bảo hộ dưới danh nghĩa kiểu dáng công nghiệp.

Điều 12.35.2.a EVFTA⁷ quy định “*if the component part, once it has been incorporated into the complex product, remains visible during normal use of the latter*” thì từ “*incorporated*” trong Điều này không có ý nghĩa là lắp ráp mà có ý nghĩa là bộ phận khi được tích hợp (có trên sản phẩm hoàn chỉnh). Điều này có nghĩa là bộ phận đó có thể có mặt trên sản phẩm hoàn chỉnh dưới dạng “*có thể tách rời khỏi sản phẩm hoàn chỉnh*” hoặc “*không thể tách rời khỏi sản phẩm hoàn chỉnh*” miễn là nhìn thấy được trên sản phẩm hoàn chỉnh.

Trong khi đó, Điều 4.13, Dự thảo đưa ra định nghĩa về kiểu dáng công nghiệp lại sử dụng khái niệm “*lắp ráp*”. Do đó từ “*lắp ráp*” trong Dự thảo sẽ làm hẹp phạm vi bảo hộ của kiểu dáng “*bộ phận*” (không bảo hộ trường hợp “*bộ phận*” không thể tách rời khỏi sản phẩm hoàn chỉnh) so với Điều 12.35.2.a EVFTA nên chưa tương thích với quy định tại Điều này.

Ngoài ra, cách diễn đạt “*Hình dáng bên ngoài được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này và nhìn thấy được trong quá trình sử dụng sản phẩm hoàn chỉnh*” là chưa logic, không cân xứng do “*Hình dáng bên ngoài được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này*” là điều chỉnh cho cả kiểu dáng của “*sản phẩm hoàn chỉnh*” và kiểu dáng của “*bộ phận*”, trong khi đó “*nhìn thấy được trong quá trình sử dụng sản phẩm hoàn chỉnh*” tương ứng với quy định tại Điều 12.35.2.a EVFTA chỉ dành cho “*bộ phận của sản phẩm hoàn chỉnh*”.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quy định trong Dự thảo liên quan đến định nghĩa kiểu dáng công nghiệp làm thu hẹp phạm vi bảo hộ kiểu dáng công nghiệp của bộ phận của sản phẩm hoàn chỉnh là chưa tương thích với quy định của EVFTA.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị như sau:

- > Sửa Điều 4.13 Luật SHTT về định nghĩa kiểu dáng công nghiệp, và đề xuất sửa như sau “*Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoàn chỉnh hoặc bộ phận của sản phẩm hoàn chỉnh mà bộ phận này nhìn thấy được trong quá trình sử dụng sản phẩm hoàn chỉnh. Hình dáng bên ngoài được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.*”

6 Điều 12.35.1, Chương 12: Sở hữu trí tuệ, EVFTA.

7 Điều 12.35.2.a, Chương 12: Sở hữu trí tuệ, EVFTA.

4. Chỉ dẫn địa lý

Mô tả vấn đề

Dự thảo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật SHTT đưa ra 16 nội dung sửa đổi liên quan đến CDĐL, trong đó có các nội dung nổi bật bao gồm nhưng không giới hạn việc bảo hộ CDĐL đồng âm.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Một mặt, việc sửa đổi nhằm đáp ứng các nghĩa vụ của EVFTA. Mặt khác vẫn còn một số tồn đọng trong việc giải thích và áp dụng pháp luật hiện hành về CDĐL. Cụ thể: đối với thực tiễn áp dụng pháp luật về CDĐL hiện nay vẫn còn nhiều vướng mắc ở việc xác định phạm vi bảo hộ của CDĐL. Trong đó vẫn còn các quan điểm và cách thức giải thích áp dụng pháp luật khác nhau ở chỗ:

- a. Phạm vi bảo hộ của CDĐL bao gồm đúng tên địa lý được đăng ký cho sản phẩm mang CDĐL; hoặc
- b. Phạm vi bảo hộ của CDĐL bao gồm tên địa lý được đăng ký cho sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý và tên của các địa danh thuộc khu vực được xác định là phạm vi địa lý sản xuất ra sản phẩm mang CDĐL (ví dụ tên của các xã, phường, thị trấn thuộc huyện, trong đó tên huyện đã được bảo hộ là CDĐL cho một sản phẩm cụ thể). Điều này gây ra khó khăn trong áp dụng pháp luật về CDĐL để thực thi bảo vệ CDĐL, đặc biệt là trong các thủ tục phản đối cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn với CDĐL.

Việc yêu cầu chủ thể quyền đăng ký bảo hộ CDĐL cho từng tên định danh nhỏ thuộc khu vực địa lý lớn là không khả thi. Ngoài ra, các địa danh nhỏ đều có cùng đặc tính về thổ nhưỡng, con người và các điều kiện khác để cùng sản xuất ra một sản phẩm như nhau tạo thành và cùng mang tên một chỉ dẫn của khu vực địa lý lớn – để bảo hộ là CDĐL. Chúng ta chỉ nên đặt ra vấn đề đăng ký CDĐL cho tên địa danh thuộc khu vực địa lý liên quan nếu có sự khác biệt rõ ràng về đặc điểm, tính chất của sản phẩm được quyết định bởi các điều kiện tự nhiên và con người.

Đối với Dự thảo, việc bổ sung quy định nhằm bảo hộ CDĐL đồng âm (không giới hạn sản phẩm rượu vang theo Điều 23, Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS)⁸ là một bước tiến bộ đáng khích lệ. Tuy nhiên Dự thảo hiện tại dù đặt ra điều kiện để được bảo hộ thì CDĐL đồng âm “*không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc địa lý của sản phẩm mang Chỉ dẫn địa lý*” mà không đặt ra các tiêu chí/ trường hợp loại trừ để được xem là thỏa mãn điều kiện nêu trên. Nhằm tránh gây nhầm lẫn, tên chỉ dẫn địa lý đồng âm có thể được trình bày kèm theo tên quốc gia/khu vực xuất xứ của CDĐL đồng âm. Việc nội luật hóa các điều kiện tiên quyết này, thay vì trao nhiệm vụ cho các văn bản giải thích áp dụng pháp luật sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho chủ thể quyền và tránh tạo ra các khó khăn trong quá trình giải thích áp dụng pháp luật cho các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị như sau:

- > Bên cạnh việc hoàn thiện các khung pháp lý về chỉ dẫn địa lý, khuyến nghị cần cải thiện việc giải thích áp dụng pháp luật phù hợp nhằm triển khai những tiến bộ của quy định pháp luật, và bảo

⁸ Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, ký ngày 15 tháng 12 năm 1993, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 1995.

đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền cũng như tuân thủ các khung cam kết thuộc các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- > Thống nhất áp dụng cách giải thích áp dụng pháp luật về quyền đăng ký bảo hộ CDĐL theo quan điểm b nêu trên.
- > Đặt ra các biện pháp/ yêu cầu để được bảo hộ, thỏa mãn điều kiện “*không gây nhầm lẫn*”.

5. Nhãn hiệu

Mô tả vấn đề

Nhãn hiệu âm thanh

Dự thảo lần đầu tiên ghi nhận nhãn hiệu âm thanh cho thấy thiện chí của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết theo các điều ước quốc tế.

Tuy nhiên, quy định về hình thức thể hiện của nhãn hiệu âm thanh như thể hiện tại Dự thảo và giải thích tại Tờ trình, cụ thể nhãn hiệu âm thanh phải là “*dấu hiệu âm thanh thể hiện được dưới dạng đồ họa*”, sẽ được cụ thể hóa tại Thông tư hoặc Quy chế hướng dẫn thi hành (ví dụ: không nhạc, lời hát, biểu đồ sóng âm v.v...) để tùy từng giai đoạn phát triển kinh tế-xã hội cũng như nhân lực, vật lực mà có thể mở rộng hay thu hẹp các loại âm thanh có thể đăng ký làm nhãn hiệu, là chưa phù hợp bản chất của dấu hiệu âm thanh và có thể gây khó khăn cho cả chủ nhãn hiệu lẫn cơ quan đăng ký nhãn hiệu trong quá trình nộp đơn đăng ký nhãn hiệu âm thanh cũng như trong quá trình thẩm định sự tương tự gây nhầm lẫn giữa các dấu hiệu âm thanh.

Sửa đổi, bổ sung Điều 72(1) Luật SHTT theo hướng ghi nhận dấu hiệu âm thanh là dấu hiệu “*thể hiện được dưới dạng đồ họa hoặc các hình thức thể hiện âm thanh khác*”. Trong các quy định hướng dẫn thi hành cần mở rộng mẫu nhãn hiệu nộp kèm theo đơn đăng ký nhãn hiệu không chỉ bao gồm hình thức thể hiện của dấu hiệu âm thanh dưới dạng đồ họa mà còn bao gồm vật mang dữ liệu âm thanh và các hình thức tương tự khác. Ngoài ra, cũng cần quy định các tiêu chí cụ thể, hợp lý, thể hiện đúng bản chất của dấu hiệu âm thanh trong việc thẩm định sự tương tự giữa hai dấu hiệu âm thanh.

Ngoài ra, đề nghị bổ sung “*người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu với dụng ý xấu*” thành một trong những căn cứ phản đối đơn đăng ký sở hữu công nghiệp mà được coi là một nguồn thông tin cho quá trình xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp theo Điều 112a Luật SHTT. Ngoài ra, đối với cả hai căn cứ phản đối đơn đăng ký sở hữu công nghiệp và yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ “*người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu với dụng ý xấu*”, cần ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành liên quan đến cách thức xác định và chứng minh “*ý đồ xấu*” của người nộp đơn. Điều 96 Dự thảo đã bổ sung thêm một trường hợp hủy bỏ toàn bộ hiệu lực văn bằng bảo hộ, cụ thể là “*người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu với dụng ý xấu*”. Đây được xem như một sửa đổi tiến bộ so với quy định hiện hành, vốn chỉ nhắc đến trường hợp “*văn bằng bảo hộ được cấp do sự không trung thực của người nộp đơn*” trong quy định về thời hạn thực hiện quyền yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ, mà không được nêu rõ thành một trong những căn cứ luật định để hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ cũng như không có bất kỳ hướng dẫn chi tiết nào về việc xác định và chứng minh sự không trung thực của người nộp đơn.

Tuy nhiên, Dự thảo chỉ mới dừng lại ở việc quy định "*người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu với dụng ý xấu*" là một trong những căn cứ để yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ. Dự thảo chưa quy định đây là một căn cứ để phản đối đơn đăng ký sở hữu công nghiệp nhằm ngăn chặn việc cấp văn bằng bảo hộ từ trước khi văn bằng bảo hộ được cấp. Cụ thể, Điều 112a của Dự thảo quy định việc phản đối liên quan đến quyền đăng ký và điều kiện bảo hộ là những căn cứ tương ứng với các trường hợp hủy bỏ hiệu lực toàn bộ hoặc một phần theo khoản a và khoản b, điểm 1a, Điều 96, hoàn toàn độc lập với căn cứ "*người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu với dụng ý xấu*" tại điểm Điều 96(1)(a). Như vậy, người thứ ba có thể không có căn cứ để nộp đơn phản đối đơn đăng ký sở hữu công nghiệp để được coi như một nguồn thông tin cho quá trình xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 112a, mà chỉ có thể nêu ý kiến với cơ quan xác lập quyền sở hữu công nghiệp về việc cấp hoặc không cấp văn bằng bảo hộ, văn bản nêu ý kiến này chỉ được xem như là một nguồn thông tin tham khảo cho quá trình xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 112.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc quy định dấu hiệu âm thanh phải thể hiện được dưới dạng đồ họa là không có ý nghĩa vì trong nhiều trường hợp, người tiêu dùng chỉ "nghe thấy được" âm thanh mà không tiếp cận được với các hình thức đồ họa (khuông nhạc, lời hát, biểu đồ sóng âm v.v.) khác thể hiện âm thanh, nên việc người tiêu dùng nhận biết nhãn hiệu âm thanh là thông qua chính âm thanh đó chứ không phải là thông qua hình thức thể hiện dưới dạng đồ họa của nó. Việc giới hạn nhãn hiệu âm thanh vào hình thức thể hiện dưới dạng đồ họa sẽ khiến việc nộp mẫu nhãn hiệu kèm theo đơn đăng ký xác lập quyền trở nên khó khăn hơn. Hơn nữa, hai hình thức thể hiện dưới dạng đồ họa (ví dụ như sóng âm) tương tự nhau có thể dẫn đến hai dấu hiệu âm thanh hoàn toàn khác biệt nhau và ngược lại; trong trường hợp đó việc đánh giá tính tương tự giữa hai dấu hiệu âm thanh sẽ gặp nhiều khó khăn hay thậm chí không chính xác nếu chỉ dựa vào hình thức thể hiện dưới dạng đồ họa của dấu hiệu âm thanh.

Việc không quy định "*người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu với dụng ý xấu*" là một trong những căn cứ phản đối đơn đăng ký nhãn hiệu khiến chủ sở hữu thật sự của nhãn hiệu buộc phải đợi đến khi văn bằng bảo hộ được cấp thì mới có thể tiến hành yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ. Việc này dẫn đến quá trình tiến hành các thủ tục pháp lý nhãn hiệu của các chủ sở hữu nhãn hiệu thật sự và đăng ký văn bằng bảo hộ bị kéo dài đáng kể, góp phần khiến cho quá trình gia nhập thị trường Việt Nam của các chủ sở hữu nhãn hiệu thật sự này gặp nhiều khó khăn hơn đồng thời góp phần tạo điều kiện cho những "*kẻ cắp nhãn hiệu*" (trademark squatter) tiếp tục thực hiện hành vi "*ăn cắp*" tài sản trí tuệ của các bên thứ ba khác để trục lợi bất hợp pháp.

Ngoài ra, căn cứ "*người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu với dụng ý xấu*" nếu không được giải thích cụ thể cách thức xác định và chứng minh "*ý đồ xấu*" thì cũng có thể khiến quá trình xem xét, giải quyết các yêu cầu của chủ sở hữu nhãn hiệu thật sự bị kéo dài, gặp nhiều khó khăn và không thật sự hiệu quả.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị như sau:

- > Sửa đổi, bổ sung Điều 72(1) Luật SHTT theo hướng ghi nhận dấu hiệu âm thanh là dấu hiệu "*thể hiện được dưới dạng đồ họa hoặc các hình thức thể hiện âm thanh khác*".

- > Quy định các tiêu chí cụ thể, hợp lý, thể hiện đúng bản chất của dấu hiệu âm thanh trong việc thẩm định sự tương tự giữa hai dấu hiệu âm thanh.
- > Bổ sung "*người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu với dụng ý xấu*" thành một trong những căn cứ phản đối đơn đăng ký sở hữu công nghiệp mà được coi là một nguồn thông tin cho quá trình xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp.
- > Ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành liên quan đến cách thức xác định và chứng minh "*ý đồ xấu*" của người nộp đơn.

6. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Mô tả vấn đề

Một trong những thay đổi lớn nhất trong vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ của Dự thảo là việc hạn chế sử dụng biện pháp hành chính và tăng cường biện pháp dân sự. Cụ thể, Điều 211 đưa ra 2 phương án. Phương án một là chỉ áp dụng biện pháp hành chính cho việc xử lý hàng hóa giả mạo nhãn hiệu. Phương án hai lại chia ra hai trường hợp là chỉ áp dụng biện pháp hành chính cho (i) hành vi xâm phạm quyền tác giả, xâm phạm quyền nhãn hiệu và giống cây trồng hoặc (ii) chỉ áp dụng cho xâm phạm quyền tác giả.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Với Dự thảo, rõ ràng các cơ quan hành chính đã không muốn thụ lý và xử lý hành vi xâm phạm quyền với sáng chế, hành vi xâm phạm kiểu dáng cũng như hành vi cạnh tranh không lành mạnh mà chuyển hết sang cơ chế xử lý bằng biện pháp dân sự. Với thực trạng khó khăn trong biện pháp dân sự, sự thay đổi này sẽ gây ra những khó khăn rất lớn cho chủ thể quyền trong quá trình thực thi và bảo vệ quyền SHTT.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị như sau:

- > Giữ nguyên quy định cũ về thực thi quyền.

7. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian

Mô tả vấn đề

Tình trạng xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng tại Việt Nam vẫn diễn ra phức tạp và khó kiểm soát. Trên các website thương mại điện tử, mặt hàng xâm phạm quyền tác giả phổ biến bao gồm sách, đồ chơi, các vật phẩm in hình ảnh xâm phạm (ví dụ: áo phông, cốc, ốp lưng điện thoại, v.v. in hình các nhân vật hoạt hình), v.v. Trong lĩnh vực giải trí, các nội dung âm nhạc và phim xâm phạm quyền tác giả vẫn được đăng tải tràn lan trên các website và mạng xã hội. Thời gian qua, các cơ quan quản lý nhà nước đã áp dụng tích cực các biện pháp kỹ thuật để xử lý xâm phạm, như yêu cầu nhà mạng chặn đường truyền tới các website có nội dung vi phạm. Tuy nhiên, biện pháp này chưa thật sự giải quyết triệt để tình trạng xâm phạm, do chủ sở hữu các website vi phạm có thể dễ dàng tạo tên miền mới hoặc chuyển máy chủ ra nước ngoài để tiếp tục vận hành các

website này⁹. Những năm gần đây, các đối tượng xâm phạm còn sử dụng dịch vụ lưu trữ đám mây để chứa và cung cấp nội dung phim xâm phạm.

Pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan chưa quy định chặt chẽ về trách nhiệm của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo vệ quyền tác giả trên môi trường số. Do vậy, các doanh nghiệp trung gian vẫn chưa thực hiện nghiêm túc việc xác minh và xử lý nội dung xâm phạm khi nhận được thông tin về các nội dung này¹⁰. Liên quan tới vấn đề nêu trên, Điều 5, Thông tư liên tịch 07¹¹ liệt kê các nghĩa vụ bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan của doanh nghiệp trung gian, giới hạn các trường hợp cụ thể mà doanh nghiệp trung gian phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm, và không quy định trường hợp miễn trừ (safe harbors). Quy định này hiện đang được đề xuất luật hoá theo Điều 198b, Mục 75 Dự thảo .

Cách tiếp cận về trách nhiệm của doanh nghiệp trung gian theo pháp luật Việt Nam trái ngược với với quy định của EVFTA. Cụ thể, theo Điều 12.55, EVFTA, doanh nghiệp trung gian mặc nhiên phải chịu trách nhiệm về hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên nền tảng của họ trừ khi các doanh nghiệp này được hưởng các giới hạn và miễn trừ, bao gồm các trường hợp: (i) Doanh nghiệp chỉ truyền dẫn nội dung do người dùng cung cấp (mere conduit), (ii) Doanh nghiệp chỉ lưu trữ tạm thời nội dung do người dùng cung cấp (caching), và (iii) Doanh nghiệp lưu trữ dài hạn nội dung do người dùng cung cấp (hosting) nhưng không biết về nội dung xâm phạm, hoặc khi biết được thông tin về nội dung xâm phạm thì hành động nhanh chóng để gỡ bỏ hoặc ngăn chặn truy cập tới nội dung xâm phạm.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo phân tích trên, quy định về trách nhiệm của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian theo Thông tư liên tịch 07 của Dự thảo chưa phù hợp với cam kết của Việt Nam theo EVFTA. Đồng thời, thực tiễn áp dụng cho thấy quy định này không đủ chặt chẽ để ràng buộc doanh nghiệp trung gian có trách nhiệm đối với nội dung xâm phạm, cụ thể như sau:

Thứ nhất, các trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nội dung xâm phạm theo Điều 5.5, Thông tư liên tịch 07 chưa rõ ràng. Các khái niệm như doanh nghiệp trung gian là “*nguồn khởi đầu đăng tải, truyền đưa hoặc cung cấp nội dung thông tin số*” hay doanh nghiệp trung gian là “*nguồn phân phối thứ cấp các nội dung thông tin số*” không được định nghĩa cụ thể. Các doanh nghiệp trung gian, theo đó, sẽ không tự giác tuân thủ việc bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan khi pháp luật quy định không rõ ràng về trách nhiệm bồi thường

9 Một ví dụ điển hình là Phimmoi – một trong những trang trang thông tin điện tử chuyên đăng tải các bộ phim xâm phạm quyền lớn nhất Việt Nam, đã liên tục đổi tên miền 3 lần trong vòng một tháng bằng cách thay đổi tên miền cấp cao nhất từ “.net” thành “.com”, đồng thời thêm những chữ “z” ở phía sau tên miền, sau khi website này bị chặn truy cập. Vui lòng tham khảo bài báo “Website phim lậu liên tục đổi tên” tại: <<https://vnexpress.net/website-phim-lau-lien-tuc-doi-ten-4128605.html>>, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 11 năm 2020.

10 Một vụ tranh chấp việc điển hình liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp trung gian là tranh chấp giữa First News và Recess – đơn vị chủ quản của website thương mại điện tử Lazada tại Việt Nam. Vào ngày 04/09/2020, First News nộp đơn khởi kiện Recess vì đã không có biện pháp xử lý đối với sách vi phạm bản quyền của First News trên website thương mại điện tử Lazada.vn khi nhận được thông báo của First News. Chỉ sau khi nhận được công văn yêu cầu của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông Recess vào tháng 10/2020, Recess mới loại bỏ các nội dung sách có yếu tố xâm phạm. Vui lòng tham khảo bài báo “First News kiện Lazada tiếp tay bán sách giả” tại: <<https://vnexpress.net/first-news-kien-lazada-tiep-tay-ban-sach-gia-4159173.html>>, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 11 năm 2020.

11 Thông tư liên tịch 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông.

thiệt hại của họ. Đồng thời, chủ thể quyền cũng sẽ gặp khó khăn trong việc chứng minh lỗi của doanh nghiệp trung gian để yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Thứ hai, doanh nghiệp trung gian chỉ có nghĩa vụ gỡ bỏ và xóa nội dung vi phạm theo yêu cầu của Thanh tra Bộ TTTT hoặc Thanh tra Bộ VHTTDL hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác. Quy định này gây trở ngại cho chủ thể quyền trong việc trực tiếp yêu cầu doanh nghiệp trung gian xử lý nội dung xâm phạm, khiến cho chủ thể quyền SHTT phải tốn nhiều thời gian, công sức và chi phí để bảo vệ quyền SHTT của mình.

Thứ ba, chế tài xử phạt đối với các doanh nghiệp trung gian không tuân thủ nghĩa vụ chưa được quy định rõ ràng và đầy đủ. Pháp luật chỉ quy định các chế tài xử phạt hành chính đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội và trang thông tin điện tử, mà chưa có chế tài áp dụng cho các loại hình doanh nghiệp trung gian khác.

Bên cạnh đó, do không có quy định về các trường hợp miễn trừ trách nhiệm, về mặt pháp lý, các doanh nghiệp trung gian đã thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan theo yêu cầu của chủ thể quyền không có cơ chế bảo vệ họ khỏi trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Chúng tôi tin rằng việc điều chỉnh nội dung về trách nhiệm của doanh nghiệp trung gian trong pháp luật Việt Nam để tuân thủ quy định tại Điều 12.55 của EVFTA sẽ giúp giải quyết tình trạng xâm phạm quyền SHTT trực tuyến hiệu quả hơn. Cụ thể, theo quy định của Hiệp định, các doanh nghiệp trung gian phải tuyệt đối tuân thủ yêu cầu theo các trường hợp miễn trừ để tự bảo vệ họ khỏi trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Đặc biệt, Điều 12.55(2)(b)(v) EVFTA buộc doanh nghiệp trung gian phải phối hợp trực tiếp với chủ thể quyền để loại bỏ nội dung xâm phạm trên nền tảng của mình. Ví dụ, khi áp dụng quy định này, các nhà dịch vụ lưu trữ đám mây sẽ có nghĩa vụ xác minh nội dung xâm phạm và gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy cập tới website phim có nội dung xâm phạm, mà không cần đến sự can thiệp của các cơ quan nhà nước.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị như sau:

- > Thay đổi nội dung Điều 198b, Mục 75 Dự thảo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ để đảm bảo tuân thủ theo Điều 12.55, EVFTA.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ thuộc EuroCham.

ĐỂ HIỂU THÊM VỀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN TỚI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ, VUI LÒNG ĐỌC:

- > Chương 15 Xe máy

Mục III. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ